TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày 27- 01-2026
"V/v tranh chấp nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1950 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 096050002151, cấp ngày 12/8/2021

Địa chỉ cư trú: Ấp BV, xã TH, tỉnh CM

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph: Bà Ngô Đào M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Cà Mau (Có mặt); Địa chỉ: Số 7, đường Huyền Trân Công Chúa, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: 1/ Ông Phạm Văn B, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

2/ Bà Phạm Kiều D, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp BV, xã TH, tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Ph trình bày:

Ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D là chủ hụi tại địa phương, ông có tham gia chơi hụi của ông B và bà D cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 28/11/2021 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi có 22 chưng, ông tham gia chơi 01 chưng. Đến kỳ hụi thứ 16 thì ông hốt hụi, sau khi trừ tiền hoa hồng cho đầu thảo số tiền ông hốt được là 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 06/02/2021 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi có 21chưng, ông tham gia chơi 01 chưng. Đến kỳ hụi thứ 20 thì ông hốt hụi, sau khi trừ tiền hoa hồng cho đầu thảo số tiền ông hốt được là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Dây hụi thứ ba: Mở ngày 10/10/2022 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi có 23 chưng, ông tham gia chơi 03 chưng. Kỳ thứ 8 ông hốt chưng đầu tiên được 8.000.000 đồng, 02 chưng còn lại ông chưa hốt thì ông B và bà D tuyên bố ngưng hụi và cho các hụi viên bóc thăm để hốt hụi, ông bóc thăm và hốt thêm 01 chưng vào ngày 10/5/2023 âm lịch với số tiền là 8.000.000 đồng. Sau đó thì ông B và bà D tuyên bố bể hụi không tổ chức bóc thăm mà trả lại tiền chưng chết cho hụi viên đã đóng nên bà D và ông B đồng ý trả lại cho ông chưng hụi còn lại là 8.000.000 đồng. Tổng 03 chưng hụi 1.000.000 đồng ông hốt được là 24.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền hoa hồng cho đầu thảo thì số tiền ông B và bà D phải chung cho ông là 22.200.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng ba dây hụi ông hốt được số tiền là 90.200.000 đồng, nhưng ông B và bà D chỉ trả cho ông được 8.000.000 đồng, số tiền còn lại ông B và bà D còn nợ ông là 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Vào ngày 10/5/2023 âm lịch thì bà D và ông B có làm văn bản kết nợ lại với ông, số tiền bà D và ông B còn nợ ông là 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Văn bản kết nợ là do bà D tự viết và ký tên.

Tại đơn khởi kiên ông yêu cầu ông B và bà D trả cho ông số tiền nợ hụi là 82.200.000 đồng và yêu cầu ông B, bà D trả số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/5/2023 âm lịch đến khi vụ án được giải quyết quyết xong. Tuy nhiên nay ông rút lại yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với ông B và bà D, ông chỉ yêu cầu ông B và bà D trả số tiền nợ hụi gốc là 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Ngô Đào Mộng trình bày:

Tại văn bản đề ngày 10/5/2023 âm lịch do chính bà D viết thể hiện bà D và ông B còn nợ ông Ph số tiền nợ hụi là 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Đối với ông B và bà D đã trực tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án của Toà án về việc ông Phiêu yêu cầu ông B và bà D trả số tiền nợ hụi 82.200.000

đồng nhưng ông B và bà D không có ý kiến phản đối. Do đó, việc ông Ph yêu cầu ông B và bà D trả số tiền nợ hụi 82.200.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện ông Ph có yêu cầu ông B và bà D trả số tiền lãi do chậm trả, tuy nhiên tại phiên toà ông Ph đã rút lại yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Đối với ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án cũng đã triệu tập ông B và bà D để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai ông B và bà D đều vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phạm Văn Ph với bị đơn ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D là "Tranh chấp nợ hụi" được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D có địa chỉ tại Ấp BV, xã TH, tỉnh CM nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà D và ông B vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với bà D và ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

[2.1] Tại đơn khởi kiên ông Ph yêu cầu ông B và bà D trả cho ông số tiền nợ hụi là 82.200.000 đồng và yêu cầu ông B, bà D trả số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/5/2023 âm lịch đến khi vụ án được giải quyết xong. Tuy nhiên, tại phiên toà ông Ph rút lại yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với ông B và bà D, ông Ph chỉ yêu cầu ông B và bà D trả số tiền nợ hụi gốc là 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Xét thấy việc ông Ph rút lại yêu cầu tính lãi hụi chậm trả là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả tiền nợ hụi của ông Ph đối với ông B và bà D.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông Ph về việc buộc ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D trả số tiền nợ hụi là 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Ph có cung cấp cho Toà án văn bản thể hiện nội dung bà D và ông B còn nợ ông Ph số tiền nợ hụi là 82.200.000 đồng, cuối văn bản có chữ ký của bà D. Đối với ông B và bà D, sau

khi thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án về việc ông Ph yêu cầu ông B và bà D trả số tiền nợ hụi 82.200.000 đồng nhưng ông B và bà D không có ý kiến phản đối. Từ đó, cho thấy việc ông B và bà D nợ ông Ph số tiền hụ 82.200.000 đồng là thực tế có xảy ra nên ông Ph yêu cầu ông B và bà D trả số tiền nợ hụi 82.200.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D phải chịu 4.110.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ph đối với ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D về việc buộc ông B và bà D trả số tiền lãi chậm trả.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ph đối với ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D.

Buộc ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Ph số tiền nợ hụi 82.200.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Ph có đơn yêu cầu thi hành án, ông B và bà D không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông B và bà D phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D phải chịu 4.110.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười nghìn đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Phạm Văn Ph không phải chịu án phí.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai ông Phạm Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn B và bà Phạm Kiều D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ